

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỈ CỤC AN TOÀN VỀ SỰ THỰC PHẨM	
CÔNG	Số: 4/10 ngày 19/12/2018
VĂN	Lãnh đạo: CC
ĐẾN	Phòng: <i>mt</i>
	Sao: <i>hds 1588</i>

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/TIỀN ĐẠT/2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần nhựa Tiên Đạt

Địa chỉ: Minh Khai, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0900192576, cấp ngày 15/03/2002. Sửa đổi lần 6 ngày 26/12/2014. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hưng Yên

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Màng LLDPE

2. Thành phần: nhựa LLDPE

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 01 năm theo khuyến cáo kể từ ngày sản xuất.

- Không có hạn sử dụng:

- Ngày sản xuất được thể hiện dưới dạng: LSX: 081218

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: sản phẩm được đóng dạng cuộn, bao dựa với khối lượng: 3kg, 10kg, 25kg, 30kg, 50kg, 70kg.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty cổ phần nhựa Tiên Đạt

Địa chỉ: Minh Khai, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: **02213985956**

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

 CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TIỀN ĐẠT	
Số CB Hợp quy	14/2016/YTHY-TNCB ngày 22/04/2016
Tên hàng hóa:	Màng Túi nilon LLDPE : Hạt nhựa LLDPE 100%
Kích thước (Cm):	50 x 100
Độ dày:	50µm
Định lượng:	25Kg LSX: 081218
Cảnh báo:	Sản phẩm không được sử dụng để bao gói thực phẩm có nhiệt độ lớn hơn 100 °C. Bảo quản nơi khô thoáng, tránh ánh sáng trực tiếp, cách xa nguồn ô nhiễm, nơi có nhiệt độ cao. Đặt trên pallet và không xếp lẫn hàng hóa
Địa chỉ SX:	Minh Khai, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm;

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 07 tháng 12 năm 2018



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Dinh Văn Quý

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TIỀN ĐẠT	
Số CB Hợp quy	
Tên hàng hóa	
Kích thước (Cm)	
Đơn vị	
Điện thoại	
Số phân không được trùng là hai gói thực phẩm có khối lượng 100g, bao gồm một gói đựng thực phẩm và một gói đựng nước sốt.	
Cách sử dụng: Dùng tay bóc gói thực phẩm và nước sốt ra khỏi gói đựng thực phẩm và nước sốt.	
Lưu ý: Sản phẩm này không nên dùng để đựng thực phẩm nóng.	
Mô tả: Sản phẩm này là một loại nhựa tổng hợp, được sản xuất theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.	

SỞ KH&ĐT TỈNH HƯNG YÊN	Bao bì chứa đựng thực phẩm
Công ty cổ phần nhựa Tiên Đạt	Màng LLDPE

1. Yêu cầu kỹ thuật

1.1. Các chỉ tiêu thử vật liệu :

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Hàm lượng Cd (Cadimi)	µg/g	<100
2	Hàm lượng Pb (Chì)	µg/g	< 100

1.2. Các chỉ tiêu về mức thôi nhiễm

TT	Tên chỉ tiêu	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Hàm lượng chất thôi nhiễm kim loại nặng	60 ⁰ C trong 30 phút	Axit acetic 4%	µg/ml	< 1
2	Lượng KMnO ₄ sử dụng	60 ⁰ C trong 30 phút	Nước	µg/ml	10
3	Hàm lượng cặn khô	25 ⁰ C trong 60 phút	Heptan	µg/ml	30
		60 ⁰ C trong 30 phút	Ethanol 20%	µg/ml	30
		60 ⁰ C trong 30 phút	Nước	µg/ml	30
		60 ⁰ C trong 30 phút	Axit acetic 4%	µg/ml	30



Số/No: 2018/1278/MY/2

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ *Name of sample*: **Màng LLDPE**
- Khách hàng/ *Customer*: Công ty cổ phần nhựa Tiến Đạt
- Số lượng mẫu/ *Quantity*: 1 túi
- Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving*: 22/ 6 / 2018
- Tình trạng mẫu/ *Status of sample*: Mẫu trong túi nilon
- Thời gian thử nghiệm/ *Test duration*: Từ ngày/ *From*: 22 /6 /2018 đến ngày/ *To*: 5/ 7 /18

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Phương pháp thử Test methods	Mức QCVN 12- 1:11/BYT	Giới hạn phát hiện	Kết quả Results
	Hàm lượng kim loại :				
1.	Hàm lượng Cd $\mu\text{g/g}^{(*)}$	QCVN 12-1:2011/BYT	< 100	1,0	Không phát hiện
2.	Hàm lượng Pb $\mu\text{g/g}^{(*)}$	“	< 100	1,0	Không phát hiện
3.	Hàm lượng cặn khô: Điều kiện ngâm : $^{(*)}$	QCVN 12-1:2011/BYT			
	1. 60°C, 30 phút, trong nước, $\mu\text{g/ml}$	“	≤ 30	5,0	Không phát hiện
	2. 25°C, 60 phút, trong n-heptan, $\mu\text{g/ml}$	“	≤ 30	5,0	Không phát hiện
	3. 60°C, 30 phút, trong axit acetic 4%, $\mu\text{g/ml}$	“	≤ 30	5,0	Không phát hiện
	4. 60°C, 30 phút, trong etanol 20% , $\mu\text{g/ml}$	“	≤ 30	5,0	< 15
4.	Tổng kim loại nặng quy ra Pb (Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30 phút trong axit axetic 4%) $\mu\text{g/ml}$	QCVN 12-1:2011/BYT	$\leq 1,0$	-	< 1,0
5.	Lượng KMnO ₄ sử dụng, $\mu\text{g/ml}^{(*)}$ (Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30 phút trong nước)	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 10	1,0	< 3,0

QCVN12-1:11/BYT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

(*) chỉ tiêu được Vilas công nhận

PHỤ TRÁCH PHÒNG THỬ NGHIỆM
HOÁ - THỰC PHẨM

Đỗ Văn Thích

Hà nội, ngày 5 tháng 7 năm 2018

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Quang Trung

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.